

Số: 109/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Ông Phan Quyết Thắng**

Thư ký phiên họp: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Bách Thiện Linh - Kiểm sát viên

Ngày 08/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 132/2023/QĐPH-ST ngày 13/6/2023, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị N.T.H.G, sinh năm 1986. CCCD số 00118651*** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/7/2021. HKTT: Xã M.C, huyện T.T, thành phố H.N.

- Anh V.V.T, sinh năm 1985. CMND số 151543*** do Công an tỉnh T.B cấp ngày 11/4/2023. HKTT: Xã Q.M, huyện Q.P, tỉnh T.B. Hiện ở: Đ.T, Đ.L, T.Q.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Chị N.T.H.G và anh V.V.T kết hôn tại UBND xã Q.M, huyện Q.P, tỉnh T.B ngày 06/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị G tại xã M.C, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Năm 2013, vợ chồng đã ly thân, anh T đi lao động tại Đ.L từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu V.A.T, sinh ngày 21/02/2010 và cháu V.A.K, sinh ngày 03/8/2012. Hiện cả hai con đang ở với chị G. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả hai con chung cho chị G tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết ly hôn: Chị G tự nguyện chịu toàn bộ.

Do khoảng cách địa lý, điều kiện làm việc, anh V.V.T không thể về Việt Nam, đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị G nhận văn bản tố tụng gửi đến Tòa án. Tại Kết luận giám định số 109/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên V.V.T dưới chữ ký trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết dòng họ tên V.V.T dưới chữ ký mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên họp, anh V.V.T vắng mặt. Chị N.T.H.G có mặt, đồng ý nhận sự ủy quyền của anh T và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu: Về tố tụng, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

* Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

* Về nội dung:

Anh V.V.T và chị N.T.H.G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.M, huyện Q.P, tỉnh T.B ngày 06/7/2009 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Đ.L từ đó đến nay. Vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm tới nhau nữa. Nay anh T và chị G đều thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh chị.

Về con chung: Vợ chồng xác định có 02 con chung là cháu V.A.T, sinh ngày 21/02/2010 và cháu V.A.K, sinh ngày 03/8/2012. Hiện cả hai con đang ở với chị G. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cả hai con chung cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị N.T.H.G tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 29, Điều 35, Điều 370, Điều 371 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh V.V.T và chị N.T.H.G.

2. Về con chung: Anh V.V.T và chị N.T.H.G có 02 con chung là cháu V.A.T, sinh ngày 21/02/2010 và cháu V.A.K, sinh ngày 03/8/2012. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu V.A.T và cháu V.A.K cho chị N.T.H.G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Chị N.T.H.G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 1622 ngày 14/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị N.T.H.G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 08/6/2023.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. TP. Hà Nội;
- UBND xã Q.M, Q.P, T.B;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Quyết Thắng